

Số: /2018/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày tháng năm 2018

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

Về chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục  
được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN  
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo: số 02/2014/TT-BGDĐT ngày 08/02/2014 về việc ban hành quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia; số 59/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá, công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu, trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; số 47/2012/TT-BGDĐT ngày 07/12/2012 ban hành quy chế công nhận trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học đạt chuẩn Quốc gia;*

*Xét Tờ trình số:...../TTr-UBND ngày tháng năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ kinh phí cho các trường Mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ (sau đây gọi chung là trường mầm non), Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Phổ thông có nhiều cấp học (trường tiểu học và trung học cơ sở; trường trung học cơ sở và trung học phổ



thông; Trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông) được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia thuộc tỉnh Nghệ An quản lý.

## 2. Đối tượng áp dụng

Trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông, Trường Phổ thông có nhiều cấp học được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia thuộc tỉnh Nghệ An quản lý.

## Điều 2. Mức hỗ trợ kinh phí

### 1. Mức hỗ trợ kinh phí

a) Đối với trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần đầu

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Các cơ sở giáo dục thuộc thành phố, thị xã	Các cơ sở giáo dục thuộc huyện đồng bằng và huyện miền núi thấp	Các cơ sở giáo dục thuộc huyện miền núi cao
1	Trường Mầm non, Tiểu học			
	a) Chuẩn mức độ 1 b) Chuẩn mức độ 2	135 180	180 220	225 260
2	Trường Trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học (trường tiểu học và trung học cơ sở)	180	225	270
3	Trường Trung học phổ thông; Trường phổ thông có nhiều cấp học, gồm (trường trung học cơ sở và trung học phổ thông; trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông)	270	315	360

(Ghi chú:

- Huyện miền núi thấp, gồm : Thanh Chương, Anh Sơn, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Quỳnh hợp.

- Huyện miền núi cao, gồm: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh châu.

- Các huyện đồng bằng: Các huyện còn lại)

b) Đối với trường được công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia: Thực hiện bằng 50% mức hỗ trợ đối với trường được công nhận đạt chuẩn Quốc gia lần đầu quy định tại Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này.

## **2. Nội dung chi**

- Đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên; bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

- Tổ chức các hoạt động chương trình, kế hoạch dạy học; các hoạt động ngoài giờ lên lớp; duy trì công tác phổ cập giáo dục

- Thực hiện công tác tuyên truyền và phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương, huy động sự tham gia của cộng đồng để duy trì giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao cho học sinh.

- Duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất nhà trường; mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ công tác dạy và học...

## **Điều 3. Nguồn kinh phí**

Nguồn kinh phí hỗ trợ do ngân sách tỉnh bảo đảm từ nguồn sự nghiệp giáo dục và đào tạo hàng năm.

## **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

## **Điều 5. Hiệu lực thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành. /.

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL) (để b/c);
- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT.HĐND

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Sơn**



Số: 435 /BC-UBND

Nghệ An, ngày 05 tháng 7 năm 2018

## BÁO CÁO

**Tiếp thu, giải trình một số nội dung liên quan Báo cáo thẩm tra Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.**

Ngày 29 tháng 6 năm 2018, UBND tỉnh Nghệ An nhận được Báo cáo số 105/BC-HĐND của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

UBND tỉnh tiếp thu và giải trình một số nội dung liên quan như sau:

### 1, Về mức hỗ trợ

a. Mức hỗ trợ đối với cấp THCS, THPT cao hơn mức hỗ trợ của cấp học mầm non và tiểu học: Qua khảo sát và báo cáo đánh giá của các huyện thì suất đầu tư đối với cấp học THCS, THPT cao hơn các cấp học khác, yêu cầu sử dụng cơ sở vật chất phục vụ dạy - học cao hơn (như diện tích các phòng học, phòng bộ môn, phòng thí nghiệm - thực hành, thư viện, sân chơi bãi tập...).

b. Quy định vùng hỗ trợ khác nhau (học phí thu 4 mức tại 4 vùng, hỗ trợ trường đạt chuẩn Quốc gia chỉ có 3 vùng, vì:

- Dự thảo Nghị quyết về chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia chỉ quy định 3 vùng được kế thừa Quyết định số 4954/QĐ.UBND.VX ngày 01/11/2011 của UBND tỉnh.

- Mức thu học phí tại Nghị quyết số 53/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh đã quy định 4 vùng miền, vấn đề này liên quan đến thu tiền của tất cả học sinh từ cấp học mầm non, trung học cơ sở, trung học phổ thông trên địa bàn toàn tỉnh; Như vậy, đối tượng thu học phí cần phân vùng, miền phù hợp mức sống, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, khác với đối tượng là trường đạt chuẩn quốc gia (đơn vị tập thể) được hỗ trợ nguồn ngân sách nhà nước.

c. Cơ sở để xác định tỷ lệ tăng mức hỗ trợ kinh phí so với mức quy định tại Quyết định số 4954/QĐ.UBND.VX giữa các bậc học, giữa các địa bàn khác nhau:

- Đối với bậc học mầm non (chuẩn mức độ 1), Tiểu học (chuẩn mức độ 2), THPT, THCS tăng đều 50% so với QĐ số 4954/QĐ.UBND.VX: Qua 6 năm triển khai thực hiện từ đó đến nay không còn phù hợp, tập thể UBND tỉnh thống nhất tăng thêm 50% so với Quyết định 4954/QĐ.UBND.VX.

- Đối với bậc học mầm non (chuẩn mức độ 2) tăng 73% đến 100%: Theo quy định tại Thông tư 02/2014/QĐ-BGDĐT, ngày 08 tháng 2 năm

2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia thì trường mầm non đạt chuẩn quốc gia được công nhận 2 mức độ: Mức độ 1 và mức độ 2, tại Quyết định số 4954/QĐ.UBND.VX chỉ hỗ trợ cho một mức độ là không phù hợp do đó đề nghị bổ sung mức hỗ trợ kinh phí cho trường mầm non đạt chuẩn mức độ 2 là hợp lý; Các tiêu chuẩn để công nhận trường đạt chuẩn mức độ 2 bao giờ cũng cao và khó hơn mức độ 1.

- Đối với bậc học tiểu học chuẩn mức độ 1 tỷ lệ tăng từ 125% đến 275%, chuẩn mức độ 1 tăng từ 50% đến 116%: Tại Quyết định số 4954/QĐ.UBND.VX mức hỗ trợ giữa các vùng miền bằng nhau, trong quá trình triển khai thực hiện, nhận thấy chưa phù hợp, vì ở những địa bàn thành phố, đồng bằng các điều kiện xây dựng trường chuẩn quốc gia, huy động xã hội hóa và các nguồn lực của địa phương thuận lợi hơn ở miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Vì vậy việc quy định có sự tăng chênh lệch là hoàn toàn hợp lý.

d. Khoản 1, Điều 2: Đề nghị UBND tỉnh bổ sung mức hỗ trợ kinh phí đối với Trường phổ thông nhiều cấp học để phù hợp với phạm vi áp dụng, đối tượng áp dụng tại Khoản 1, 2, Điều 1 dự thảo Nghị quyết: Vấn đề này UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa.

e. Đề nghị UBND tỉnh bổ sung và sửa đổi Điều 2: UBND tỉnh đã tiếp thu, chỉnh sửa.

## 2. Về hiệu lực thi hành:

Sửa lại Điều 5. Hiệu lực thi hành như sau: Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khóa XVII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

3. Đối với các phụ biểu cần bổ sung: Cơ quan soạn thảo tiếp thu, bổ sung

4. UBND tỉnh đã chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung tại Dự thảo Nghị quyết như sau: ( có Dự thảo kèm theo)

Trên đây là Báo cáo tiếp thu, giải trình một số nội dung liên quan đến báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết chính sách hỗ trợ kinh phí cho các cơ sở giáo dục được công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia trên địa bàn tỉnh Nghệ An. UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh./. ✓

### Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, PVP, VX UBND tỉnh;
- CV: VX, TM;
- Lưu: VP, UB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Minh Thông



**UBND TỈNH NGHỆ AN**

**TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA TỪNG CẤP HỌC  
CỦA CÁC ĐƠN VỊ CẤP HUYỆN TỪNG NĂM TỪ NĂM 2012 ĐẾN 31/5/2018**  
(Kèm theo báo cáo số 435/BC-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh Nghệ An)

TT	Tên huyện	Năm 2012			Năm 2013			Năm 2014			Năm 2015			Năm 2016			Năm 2017			1/2018-31/5/2018			Tổng																
		Tổng số	Mã non	Tiêu học	THCS	THPT	Tổng số	Mã non	Tiêu học	THCS	THPT	Tổng số	Mã non	Tiêu học	THCS	THPT	Tổng số	Mã non	Tiêu học	THCS	THPT	Tổng số	Mã non	Tiêu học	THCS	THPT	Tổng số	Mã non	Tiêu học	THCS	THPT								
1	Thành Phố Vinh	3	2	1	4	3	1	5	2	2	1	2	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	1	1	1	1	1	18	9	4	5						
2	Thị xã Cửa Lò	2		2			3	1	2			2				2			2			1								8	1	4	2						
3	Hung Nguyên	2	1	1	8	3	2	1	1	1	1	3	1	2	2	2	4	1	2	1	1	1	1	1	1	1	1	21	7	7	3								
4	Nam Đàn	3	1	2	6	2	2	5	1	4		1				4	2	2	2	2	3	3	4	3	1			34	10	14	7								
5	Nghi Lộc	5	5		4	2	2	3	1	2	2	3	2	1	1	3	2	1	1	1	1	1	3	1	1			22	12	4	4								
6	Diễn Châu	4	2	1	4	2		1	1			5	1	2	2	7	3	2	2	2	1	1	5	1	2	2	1	25	9	7	8								
7	Quỳnh Lưu	5	2									3	1	1	1	3	1	1	2	1	1	5	1	2	1	1		18	6	4	6								
8	Yên Thành	2	1	1	4	1	1	1	1	1	1	3	1	2	2	7	1	1	4	1	1	1	1	1	1	1	1	31	10	18	2								
9	Đô Lương	4	1	2	9	1	8	6	3	2	1	4	2	2	2	3	1	2	3	1	1	5	1	2	1	1	29	10	8	9									
10	Thanh Chương	5	3	2	3	2	1	5	1	1	3	5	2	3	1	6	1	3	1	1	1	3	2	1	1	1	18	10	3	4									
11	Anh Sơn	5	3	1	2	1	1	1	1			3				3						3						22	8	8	5								
12	Tân Kỳ	1		1	4	1	3	2	1	1	1	6	3	2	1	6	3	2	1	1	1	8	3	2	1	1	24	9	8	5									
13	Nghĩa Đàn	2	1	1	1			3	1	1	1	4	2	2	2	4	1	2	1	1	1	2					18	5	7	5									
14	TX Thái Hòa	3	2	1	2		2	3	3	3	3	4	2			2	1	1	1	1	1	3	2	1	1	1	17	10	5	2									
15	Quỳ Hợp	3	2	1	4	2	1	2	1	1	2	3	2	1	1	3	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	10	3	6	1									
16	Quỳ Châu	2		2	1		1	2	2	2	2	1	1	1	1	2		2				1	1	1	1	2	2	2	2	2	15	4	8						
17	Quế Phong	3	1	2	1		1	3	1	2	2	3	2	2	1	4	2	2	1	1	1	5	1	3	1	1	11	5	5	1	1	11	5	5					
18	Con Cuông	1	1		1			2	1	1	1	4	2	2	1	2	1	1	1	1	2	6	2	2	2	1	1	17	7	7	3	1	17	7	7				
19	Tương Dương	2		2	1	1		2	1	1	1	3	1	2	1	2	1	1	1	1	2	2	1	1	1	1	5	2	3		1	5	2	3					
20	Kỳ Sơn											1		1		1		1				2	1	1			4	2	1		1	4	2	1					
21	TX Hoàng Mai											3	1	1	1	3	1	1	1	1	1	3	1	1			2	3	1		3	1							
22	Trực thuộc	57	28	18	9	2	56	19	21	14	2	48	14	22	12	67	26	24	13	4	67	23	21	17	6	74	22	26	16	10	19	12	5	2	388	144	137	81	26

Ghi chú: QĐ 4954/QĐ-UBND.VX ban hành ngày 01/11/2011, kinh phí hỗ trợ được tính từ năm 2012

